

Số:44/2024/DTD/CBTT

Hà Nam, ngày 26 tháng 04 năm 2024

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) quý I/năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức:** Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt

- Mã chứng khoán: DTD
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại liên hệ: 02263.883.136
- Email: [thanhdathn2010@gmail.com](mailto:thanhdathn2010@gmail.com) Website: <http://thanhdathanam.vn/>

**2. Nội dung thông tin công bố**

- BCTC Quý I/năm 2024:

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có  Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 26/04/2024 tại đường dẫn: <http://thanhdathanam.vn/quan-he-co-dong/thong-tin-tai-chinh/>

**3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên: Không có.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Việt Đức*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>257.826.399.722</b>	<b>251.103.624.494</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>19.507.180.896</b>	<b>22.284.589.848</b>
1. Tiền	111		19.507.180.896	22.284.589.848
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.9</b>	<b>5.671.801.351</b>	<b>5.671.801.351</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.671.801.351	5.671.801.351
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>144.550.936.028</b>	<b>110.959.863.183</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	158.285.402.716	117.160.627.537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	7.813.830.360	10.637.555.523
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4.	109.379.529	87.304.381
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(21.657.676.577)	(16.925.624.258)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5.</b>	<b>76.489.851.864</b>	<b>93.975.626.746</b>
1. Hàng tồn kho	141		76.489.851.864	93.975.626.746
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.606.629.583</b>	<b>18.211.743.366</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.	490.035.661	290.865.203
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.116.540.902	17.326.913.980
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	153	5.14	53.020	593.964.183
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>622.819.875.380</b>	<b>618.669.497.114</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>52.794.438.637</b>	<b>52.794.438.637</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4.	52.794.438.637	52.794.438.637
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>181.287.032.436</b>	<b>184.834.536.584</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10.	181.287.032.436	184.834.536.584
- Nguyên giá	222		289.890.713.835	289.880.479.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.603.681.399)	(105.045.942.584)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.7.</b>	<b>144.104.296.629</b>	<b>134.171.615.023</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		144.104.296.629	134.171.615.023
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9.</b>	<b>242.356.153.095</b>	<b>242.356.153.095</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		227.674.900.000	227.674.900.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		39.000.000.000	39.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(24.318.746.905)	(24.318.746.905)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.277.954.583</b>	<b>4.512.753.775</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.	2.104.282.334	4.512.753.775
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		173.672.249	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>880.646.275.102</b>	<b>869.773.121.608</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>201.221.856.772</b>	<b>196.608.594.770</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>122.967.866.622</b>	<b>118.354.604.620</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12.	26.661.230.304	25.814.077.740
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13.	79.772.962.585	79.670.869.099
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14.	4.135.783.752	3.832.657.781
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15.	715.070.124	146.500.000
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		732.500.000	732.500.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.	-	264.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11.	10.950.319.857	7.894.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>78.253.990.150</b>	<b>78.253.990.150</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16.	22.098.776.000	22.098.776.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11.	56.155.214.150	56.155.214.150
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>679.424.418.330</b>	<b>673.164.526.838</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17.</b>	<b>679.424.418.330</b>	<b>673.164.526.838</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		493.444.160.000	493.444.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		493.444.160.000	493.444.160.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		185.980.258.330	179.720.366.838
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		179.720.366.838	106.605.526.145
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.259.891.492	73.114.840.693
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>880.646.275.102</b>	<b>869.773.121.608</b>

Hà Nam, ngày 25 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Dương Thị Thu Hiền

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Đức

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I năm 2023

Mẫu số B 02a-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm Nay	Quý I	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	75.223.421.504	97.478.194.167	75.223.421.504	97.478.194.167
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>75.223.421.504</b>	<b>97.478.194.167</b>	<b>75.223.421.504</b>	<b>97.478.194.167</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	59.100.882.310	85.358.203.462	59.100.882.310	85.358.203.462
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.122.539.194</b>	<b>12.119.990.705</b>	<b>16.122.539.194</b>	<b>12.119.990.705</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.563.909	7.695.153	6.563.909	7.695.153
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.227.896.311	1.903.810.793	1.227.896.311	1.903.810.793
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.227.896.311	957.556.314	1.227.896.311	957.556.314
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7.210.546.571	5.272.015.556	7.210.546.571	5.272.015.556
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.690.660.221</b>	<b>4.951.859.509</b>	<b>7.690.660.221</b>	<b>4.951.859.509</b>
11. Thu nhập khác	31		-	200.000.000	-	200.000.000
12. Chi phí khác	32	6.5	45.107.267	20.019.967	45.107.267	20.019.967
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(45.107.267)</b>	<b>179.980.033</b>	<b>(45.107.267)</b>	<b>179.980.033</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.645.552.954</b>	<b>5.131.839.542</b>	<b>7.645.552.954</b>	<b>5.131.839.542</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.559.333.711	1.073.861.615	1.559.333.711	1.073.861.615
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(173.672.249)	-	(173.672.249)	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>6.259.891.492</b>	<b>4.057.977.927</b>	<b>6.259.891.492</b>	<b>4.057.977.927</b>

NGƯỜI LẬP

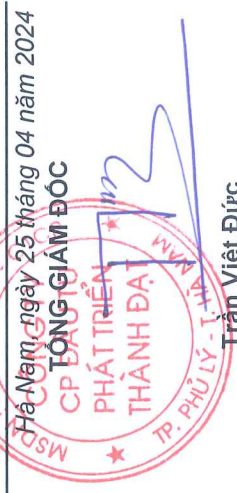


Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Dương Thị Thu Hiền





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03a-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Quý I/2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>7.645.552.954</b>	<b>5.131.839.542</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.557.738.815	3.274.267.643
- Các khoản dự phòng	03		4.732.052.319	946.254.479
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.563.909)	(207.695.153)
- Chi phí lãi vay	06		1.227.896.311	957.556.314
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>17.156.676.490</b>	<b>10.102.222.825</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.529.075.590)	(44.279.705.275)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17.485.774.882	38.081.677.921
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.391.566)	13.719.543.102
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.209.300.983	406.552.501
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.227.896.311)	(957.556.314)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.164.497.846)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.092.388.888</b>	<b>14.908.236.914</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.932.681.606)	(8.487.715.858)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	200.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.563.909	7.695.153
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(9.926.117.697)</b>	<b>(23.280.020.705)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 03a-DN

*Theo phương pháp gián tiếp*

Quý I/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu				
2. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.660.319.857	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(604.000.000)	(1.210.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.056.319.857</b>	<b>(1.210.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.777.408.952)</b>	<b>(9.581.783.791)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>22.284.589.848</b>	<b>17.883.331.230</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>19.507.180.896</b>	<b>8.301.547.439</b>

Hà Nam, ngày 25 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Dương Thị Thu Hiền

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Đức



**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 ngày 17 tháng 11 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 thay đổi lần thứ 27 cấp ngày 17 tháng 11 năm 2023 là 493.444.160.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi ba tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng./.)

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, cung cấp nước sạch và bán bê tông thương phẩm.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp từ 35 KV trở xuống, xây lắp và chuyển giao trạm cấp nước sinh hoạt, thi công sàn nhà công nghiệp, thi công phòng chống và xử lý môi, một các công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất và dựng lắp khung nhà vì kèo sắt thép các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán đồ điện gia dụng, hàng điện tử; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất lắp đặt các thiết bị xử lý nước mặt và nước ngầm;
- Vận tải hành khách du lịch, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính tại đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Quý I năm 2024

Mẫu số B09A-DN

TÊN	ĐỊA CHỈ
<b>Công ty có chi nhánh như sau:</b>	
Công ty Đầu tư Phát triển Thành Đạt - Chi nhánh Duy Tiên	Thôn Dỹ Phố, xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
<b>Công ty có công ty con như sau:</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	Đường N1, nhà điều hành KCN hỗ trợ Đồng Văn III, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
<b>Công ty có các công ty liên kết như sau:</b>	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn III, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

## 2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

## 3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

### 4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31/03/2024 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

### 4.3. Nợ phải thu



Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

#### **4.4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

#### **4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### ***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 năm
Tài sản khác	02 - 05 năm

#### **4.6. Các khoản đầu tư tài chính**

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lợi kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

##### ***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

#### **4.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí cấp quyền khai thác mỏ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

#### **4.8. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

#### **4.9. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí thi công. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **4.10. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:



Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **4.11. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **4.12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

#### **4.13. Nguyên tắc kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

#### **4.14. Thuế**

##### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

- Thuế suất thuế GTGT đối với hợp đồng xây dựng, bê tông thương phẩm: 10%;
- Thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp nước sạch: 5%.

##### ***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

#### **4.15. Bù trừ các công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.16. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ số 8.6.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2024	01/01/2024
Tiền mặt	8.742.224.038	6.888.019.183
Tiền gửi ngân hàng	10.764.956.858	15.396.570.665
<b>Cộng</b>	<b>19.507.180.896</b>	<b>22.284.589.848</b>

**5.2. Phải thu khách hàng**

	31/03/2024	01/01/2024
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>158.285.402.716</b>	<b>117.160.627.537</b>
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm tỷ trọng lớn trên tổng khoản phải thu)	127.004.094.893	83.479.240.857
- Công ty Cổ phần Hancorp	5.501.625.806	5.501.625.806
- Ban QLDA Xây dựng Thành phố Phủ Lý - Cụm CN Kien Khê I	35.153.261.000	35.153.261.000
- Ban QLDA Đầu tư XD số II TP Phủ Lý	7.624.553.000	7.624.553.000
- Công ty CP Hawee Xây dựng Công nghiệp	3.859.468.427	3.859.468.427
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình PLC	74.865.186.660	31.340.332.624
Phải thu khách hàng khác	31.281.307.823	33.681.386.680
<b>Cộng</b>	<b>158.285.402.716</b>	<b>117.160.627.537</b>

**b) Phải thu khách hàng dài hạn****c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	68.404.832	48.742.830
<b>Cộng</b>	<b>68.404.832</b>	<b>48.742.830</b>

**5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/03/2024	01/01/2024
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng An Phú Cường	-	1.318.992.552
- Công ty CP xây dựng thương mại và dịch vụ Phát An	1.271.000.000	1.271.000.000
- Công ty TNHH sản xuất và TM Huyền Quý	1.023.679.000	1.023.679.000
- Công ty cổ phần Giải pháp Công nghệ tòa nhà An Thịnh	1.000.403.580	1.000.403.580
- Các công ty khác	4.518.747.780	6.023.480.391
<b>Cộng</b>	<b>7.813.830.360</b>	<b>10.637.555.523</b>

**5.4. Phải thu khác**

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>109.379.529</b>	-	<b>87.304.381</b>	-
- Phải thu khác	22.075.148	-	-	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	87.304.381	-	87.304.381	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>52.794.438.637</b>	-	<b>52.794.438.637</b>	-
- Phải thu dài hạn khác	52.146.877.955	-	52.146.877.955	-
+ Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (i)	30.774.529.600	-	30.774.529.600	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phủ Lý (ii)	14.083.094.355	-	14.083.094.355	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Duy Tiên (iii)	7.289.254.000	-	7.289.254.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	647.560.682	-	647.560.682	-
<b>Cộng</b>	<b>52.903.818.166</b>	-	<b>52.881.743.018</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

**Mẫu số B 09a-DN**

Đơn vị tính: VND

**c) Phải thu khác là các bên liên quan**

(i) Thỏa thuận liên danh ngày 05/07/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt và Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội về việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ nút giao ngã ba Hòa Mạc đến đường ĐH-05 (từ Km0+00 đến Km2+560,41).

(ii) Là khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phủ Lý để bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu thương mại, dịch vụ và nhà ở Thành Đạt tại xã Liêm Tuyền và xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam".

(iii) Là khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Duy Tiên để bồi thường giải phóng mặt bằng dự án "Đầu tư xây dựng Cảng Yên Lệnh Bắc tại địa bàn xã Chuyên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam".

**5.5. Hàng tồn kho**

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.419.262.676	-	7.319.504.821	-
Công cụ, dụng cụ	26.767.100	-	26.767.100	-
Chi phí SXKD dở dang	67.862.196.199	-	84.472.564.387	-
Thành phẩm nhập kho	1.402.086.164	-	1.227.943.387	-
Hàng hóa	779.539.725	-	928.847.051	-
<b>Cộng</b>	<b>76.489.851.864</b>	<b>-</b>	<b>93.975.626.746</b>	<b>-</b>

**5.6. Chi phí trả trước**

	31/03/2024	01/01/2024
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>490.035.661</b>	<b>290.865.203</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	490.035.661	290.865.203
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.104.282.334</b>	<b>4.512.753.775</b>
- Chi phí trả trước của mỏ cát	2.104.282.334	4.512.753.775
<b>Cộng</b>	<b>2.594.317.995</b>	<b>4.803.618.978</b>

**5.7. Tài sản dở dang dài hạn****a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/03/2024	01/01/2024
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>144.104.296.629</b>	<b>134.171.615.023</b>
- Dự án Cảng Yên Lệnh	141.354.430.452	131.421.748.846
- Dự án Trung tâm thương mại Liêm Tuyền	1.769.677.268	1.769.677.268
- Dự án xây dựng Gara ô tô	743.825.273	743.825.273
- Trung tâm thương mại Bến xe	236.363.636	236.363.636
<b>Cộng</b>	<b>144.104.296.629</b>	<b>134.171.615.023</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

**5.8 . NỢ XAU**

Mẫu số B 09a-DN  
Đơn vị tính : VND

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<b>- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>16.899.344.260</b>	<b>-</b>	<b>(16.899.344.260)</b>	<b>16.925.624.258</b>
+ Ban GPMB BHTH và TĐC - Tái định cư khu vườn tổng xã Liêm Cản	5.931.500	-	(5.931.500)	5.931.500
+ Công ty Cổ phần Tasco Trường Phát	200.001.840	-	(200.001.840)	200.001.840
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Hà An	174.182.500	-	(174.182.500)	174.182.500
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Lam Phương	512.020.000	-	(512.020.000)	512.020.000
+ Trường THPT Phỷ Lý B	103.454.000	-	(103.454.000)	103.454.000
+ UBND thị trấn Kien Khê	41.676.000	-	(41.676.000)	41.676.000
+ Viện KSND tỉnh Hà Nam	125.184.000	-	(125.184.000)	125.184.000
+ Công ty Cổ phần An Phú Hưng- Khu chế biến Bình Nghĩa	71.461.000	-	(71.461.000)	71.461.000
+ Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Đức Phát	50.006.030	-	(50.006.030)	50.006.030
+ Công ty Cổ phần Phát triển Phương Tây Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hà Nam	24.700.000	-	(24.700.000)	24.700.000
+ Công ty TNHH Incosys	57.300.000	-	(57.300.000)	57.300.000
+ Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	57.800.001	-	(57.800.001)	57.800.001
+ Công ty TNHH IM và Xây dựng Hiện Nhân Phát Việt Nam	20.389.998	-	(20.389.998)	40.779.996
+ Công ty TNHH Xây dựng và TM Nam Phúc	61.245.000	-	(61.245.000)	61.245.000
+ Xi nghiệp thi công nạ tang - Công ty thi công cơ giới Vinlargra	33.214.400	-	(33.214.400)	33.214.400
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	50.600.000	-	(50.600.000)	50.600.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	657.610.000	-	(657.610.000)	657.610.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khánh Đạt	553.862.500	-	(553.862.500)	553.862.500
+ Công ty Cổ phần Hancorp	5.501.625.806	-	(5.501.625.806)	5.501.625.806
+ Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng Công Nghiệp	3.859.468.427	-	(3.859.468.427)	3.859.468.427

+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phát triển KCN Kim Bảng	1.149.852.500	-	(1.149.852.500)	1.149.852.500	-	(1.149.852.500)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 4	1.085.543.625	-	(1.085.543.625)	1.085.543.625	-	(1.085.543.625)
+ Công ty Cổ phần Vinaconex 25	896.072.364	-	(896.072.364)	896.072.364	-	(896.072.364)
+ Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	660.164.670	-	(660.164.670)	660.164.670	-	(660.164.670)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Quang Minh	371.550.000	-	(371.550.000)	371.550.000	-	(371.550.000)
+ Công ty TNHH Tư vấn KSTK XD Hà Nam	202.180.000	-	(202.180.000)	202.180.000	-	(202.180.000)
+ Công ty TNHH Giải pháp XD CSC	127.500.000	-	(127.500.000)	127.500.000	-	(127.500.000)
+ Công ty TNHH Xây dựng và DVTM Khánh Hưng	8.869.500	-	(8.869.500)	8.869.500	-	(8.869.500)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư XD và Phát triển Bắc Nam Việt	235.878.599	-	(235.878.599)	235.878.599	-	(235.878.599)
+ Trường THCS Nhân Thịnh	161.289.000	-	(161.289.000)	161.289.000	161.289.000	-
+ H&GPMB&TDC Duy Tiên -Đường điện thôn Hòa Trung A	172.688.000	-	(172.688.000)	172.688.000	172.688.000	-
+ UBND thị trấn Kịen Khê - Trụ sở làm việc	106.271.000	-	(106.271.000)	106.271.000	106.271.000	-
+ Ban QLPT KĐT mới - Chuẩn bị mặt bằng y tế vùng	309.201.000	-	(309.201.000)	309.201.000	309.201.000	-
+ Ban QL phát triển KĐT mới - TT Y tế chất lượng cao Tỉnh Hà Nam	1.287.184.300	-	(1.287.184.300)	1.287.184.300	1.287.184.300	-
+ Hội đồng BT HT&TĐC Duy Tiên - XDHTKT Lô E	1.331.789.000	-	(1.331.789.000)	1.331.789.000	1.331.789.000	-
+ Ban GPMB huyện Thanh Liêm - San nền 7% cụm công nghiệp Kịen Khê	1.151.566.000	-	(1.151.566.000)	1.151.566.000	1.151.566.000	-
+ Ban QLDA đầu tư xây dựng Hà Nam - Đường N1-D2	238.344.017	-	(238.344.017)	238.344.017	238.344.017	-
<b>Cộng</b>	<b>21.657.676.577</b>	-	<b>(21.657.676.577)</b>	<b>21.683.956.575</b>	<b>4.758.332.317</b>	<b>(16.925.624.258)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

**5.9. Các khoản đầu tư tài chính**

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính : VND

	31/03/2024	01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>			
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	5.671.801.351	5.671.801.351	-
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (i)	5.671.801.351	5.671.801.351	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	5.355.390.938	5.355.390.938	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	316.410.413	316.410.413	-
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	266.674.900.000	(*)	(24.318.746.905)
- Đầu tư vào Công ty con	227.674.900.000	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam-tỷ lệ sở hữu 65% (ii)	227.674.900.000	(*)	-
- Đầu tư vào Công ty liên kết	39.000.000.000	(*)	(24.318.746.905)
+ Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam - tỷ lệ sở hữu 39%	39.000.000.000	(*)	(24.318.746.905)
<b>Cộng</b>	<b>272.346.701.351</b>	<b>(*)</b>	<b>(24.318.746.905)</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam.

**Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của công ty con trong kỳ:**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cung cấp dịch vụ quản lý hạ tầng khu công nghiệp.

**Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của công ty liên kết trong kỳ:**

(iii) Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: kinh doanh vận tải đường bộ, dịch vụ hải quan, cước tàu nội địa...

**Các giao dịch của yếu của Công ty với các công ty con trong kỳ:**

Trong quý I, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

**5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình****Mẫu số B 09a-DN**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	150.186.008.716	101.647.093.536	32.399.508.248	848.685.454	4.799.183.214	<b>289.880.479.168</b>
Tăng trong kỳ	-	-	10.234.667	-	-	<b>10.234.667</b>
- Tăng khác	-	-	10.234.667	-	-	<b>10.234.667</b>
Số dư cuối kỳ	150.186.008.716	101.647.093.536	32.409.742.915	848.685.454	4.799.183.214	<b>289.890.713.835</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	18.048.713.002	61.684.333.073	20.334.739.204	845.768.788	4.132.388.517	<b>105.045.942.584</b>
Tăng trong kỳ	1.718.979.468	1.134.700.328	664.018.503	2.916.666	37.123.850	<b>3.557.738.815</b>
- Số khấu hao trong kỳ	1.718.979.468	1.134.700.328	653.783.836	2.916.666	37.123.850	<b>3.547.504.148</b>
- Tăng khác	-	-	10.234.667	-	-	<b>10.234.667</b>
Số dư cuối kỳ	19.767.692.470	62.819.033.401	20.998.757.707	848.685.454	4.169.512.367	<b>108.603.681.399</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	132.137.295.714	39.962.760.463	12.064.769.044	2.916.666	666.794.697	<b>184.834.536.584</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	130.418.316.246	38.828.060.135	11.410.985.208	-	629.670.847	<b>181.287.032.436</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

**5.11. Vay và nợ thuế tài chính**

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

01/01/2024

31/03/2024

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>10.950.319.857</b>	<b>10.950.319.857</b>	<b>3.660.319.857</b>	<b>604.000.000</b>	<b>7.894.000.000</b>	<b>7.894.000.000</b>
<b>Vay ngân hàng VND</b>	<b>8.458.319.857</b>	<b>8.458.319.857</b>	<b>3.660.319.857</b>	-	<b>4.798.000.000</b>	<b>4.798.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam	4.798.000.000	4.798.000.000	-	-	4.798.000.000	4.798.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.660.319.857	3.660.319.857	3.660.319.857	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Tuyết	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2.492.000.000</b>	<b>2.492.000.000</b>	-	<b>604.000.000</b>	<b>3.096.000.000</b>	<b>3.096.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam	2.492.000.000	2.492.000.000	-	604.000.000	3.096.000.000	3.096.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>56.155.214.150</b>	<b>56.155.214.150</b>	-	-	<b>56.155.214.150</b>	<b>56.155.214.150</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam	7.073.000.000	7.073.000.000	-	-	7.073.000.000	7.073.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	40.290.461.150	40.290.461.150	-	-	40.290.461.150	40.290.461.150
- Vốn vay do UBND tỉnh Hà Nam vay lại từ Chính phủ	8.791.753.000	8.791.753.000	-	-	8.791.753.000	8.791.753.000
<b>Cộng</b>	<b>67.105.534.007</b>	<b>67.105.534.007</b>	<b>3.660.319.857</b>	<b>604.000.000</b>	<b>64.049.214.150</b>	<b>64.049.214.150</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

**5.12. Phải trả người bán**

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>26.661.230.304</b>	<b>26.661.230.304</b>	<b>25.814.077.740</b>	<b>25.814.077.740</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn	10.224.003.000	10.224.003.000	10.224.003.000	10.224.003.000
- Công ty Xây lắp Công nghiệp Hà Nam	2.736.215.000	2.736.215.000	2.736.215.000	2.736.215.000
- Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội	7.487.788.000	7.487.788.000	7.487.788.000	7.487.788.000
Các khoản phải trả người bán khác	16.437.227.304	16.437.227.304	15.590.074.740	15.590.074.740
<b>Cộng</b>	<b>26.661.230.304</b>	<b>26.661.230.304</b>	<b>25.814.077.740</b>	<b>25.814.077.740</b>

**b) Các khoản phải trả người bán dài hạn****c) Phải trả người bán là các bên liên quan****5.13. Người mua trả tiền trước****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/03/2024	01/01/2024
- Cơ sở II Bệnh viện Bạch Mai - HTKT	28.618.399.800	28.618.399.800
- Cơ sở II Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - HTKT	50.798.017.600	50.798.017.600
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	356.545.185	254.451.699
<b>Cộng</b>	<b>79.772.962.585</b>	<b>79.670.869.099</b>

**b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan****5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a) Phải nộp	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	31/03/2024
- Thuế GTGT	3.583.083.304	7.566.583.168	11.149.666.472	-
- Thuế TNDN	-	1.091.449.528	-	1.091.449.528
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	153.574.477	996.269.180	91.509.433	1.058.334.224
- Thuế Tài nguyên	96.000.000	1.895.024.240	5.024.240	1.986.000.000
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.832.657.781</b>	<b>11.549.326.116</b>	<b>11.246.200.145</b>	<b>4.135.783.752</b>
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế GTGT nộp thừa	126.080.000	126.080.000	-	-
- Thuế TNDN	467.884.183	467.884.183	-	-
- Thuế TNCN	-	-	53.020	53.020
<b>Cộng</b>	<b>593.964.183</b>	<b>593.964.183</b>	<b>53.020</b>	<b>53.020</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.15. Chi phí phải trả****a) Ngắn hạn**

	31/03/2024	01/01/2024
- Trích trước chi phí kiểm toán	715.070.124	146.500.000
- Chi phí phải trả về tiền thuê máy và tiền thuê đất	196.500.000	146.500.000
	518.570.124	-

**b) Dài hạn**

	-	-
<b>Cộng</b>	<b>715.070.124</b>	<b>146.500.000</b>

**5.16. Các khoản phải trả khác****a) Ngắn hạn**

	31/03/2024	01/01/2024
- Thủ lao của HĐQT và Ban kiểm soát	-	264.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

<b>Cộng</b>	-	<b>264.000.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phải trả dài hạn khác	22.098.776.000	22.098.776.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	213.000.000	213.000.000
- UBND tỉnh Hà Nam (*)	21.885.776.000	21.885.776.000
<b>Cộng</b>	<b>22.098.776.000</b>	<b>22.098.776.000</b>

(\*) Quyết định số 295/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam ngày 31/01/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình tiểu dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch xã Liêm Tuyền, Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam thuộc hợp phần cấp nước chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên kết quả tỉnh Hà Nam.

**5.17. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>424.152.890.000</b>	-	<b>180.167.448.544</b>	<b>604.320.338.544</b>
Tăng vốn trong năm trước	69.291.270.000	-	-	69.291.270.000
Lãi trong năm trước	-	-	73.114.840.693	73.114.840.693
Giảm do sáp nhập	-	-	(4.006.652.399)	(4.006.652.399)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(69.555.270.000)	(69.555.270.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>493.444.160.000</b>	-	<b>179.720.366.838</b>	<b>673.164.526.838</b>
Lãi trong kỳ	-	-	6.259.891.492	6.259.891.492
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>493.444.160.000</b>	-	<b>185.980.258.330</b>	<b>679.424.418.330</b>

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tại 31/03/2024	31/03/2024	01/01/2024
Vốn góp của các đối tượng khác			
- Ông Nguyễn Huy Cương	29,60%	146.050.970.000	146.050.970.000
- Bà Nguyễn Thanh Tâm	5,86%	28.938.300.000	28.938.300.000
- Ông Nguyễn Quang Trí	5,29%	26.090.840.000	26.090.840.000
- Các đối tượng khác	59,25%	292.364.050.000	292.364.050.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>493.444.160.000</b>	<b>493.444.160.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Vốn góp đầu năm	493.444.160.000	424.152.890.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	4.935.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	493.444.160.000	429.087.890.000
<b>Cổ phiếu</b>	<b>31/03/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>49.344.416</b>	<b>42.908.789</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	49.344.416	42.908.789
- Cổ phiếu phổ thông	49.344.416	42.908.789
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>49.344.416</b>	<b>42.908.789</b>
- Cổ phiếu phổ thông	49.344.416	42.908.789
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Doanh thu bán bê tông	5.006.418.601	3.304.982.728
- Doanh thu xây lắp	42.381.731.464	90.503.435.927
- Doanh thu bán xăng dầu	18.483.430.521	-
- Doanh thu khác	9.351.840.918	3.669.775.512
<b>Cộng</b>	<b>75.223.421.504</b>	<b>97.478.194.167</b>
<b>Doanh thu các bên liên quan</b>	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Công nghiệp Đồng Văn III- tỉnh Hà Nam	65.910.320	55.669.790.121
<b>Cộng</b>	<b>65.910.320</b>	<b>55.669.790.121</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Giá vốn hàng bán bê tông	4.025.534.905	3.057.513.957
- Giá vốn xây lắp	33.300.024.984	80.162.013.174
- Giá vốn bán xăng dầu	17.789.646.203	-
- Giá vốn bán hàng khác	3.985.676.218	2.138.676.331
<b>Cộng</b>	<b>59.100.882.310</b>	<b>85.358.203.462</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	6.563.909	7.695.153
<b>Cộng</b>	<b>6.563.909</b>	<b>7.695.153</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi tiền vay	1.227.896.311	957.556.314
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	946.254.479
<b>Cộng</b>	<b>1.227.896.311</b>	<b>1.903.810.793</b>

**6.5. Chi phí khác**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Các khoản chi phí khác	45.107.267	20.019.967
<b>Cộng</b>	<b>45.107.267</b>	<b>20.019.967</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết các khoản chiếm tỷ trọng lớn trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp

*Chi phí nhân công**Chi phí khấu hao tài sản cố định**Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi*

Chi phí quản lý doanh nghiệp khác

**Cộng**

	Kỳ này	Kỳ trước
	5.573.375.609	789.599.102
	602.696.170	603.304.124
	212.347.122	186.294.978
	4.758.332.317	-
	1.637.170.962	4.482.416.454
	<b>7.210.546.571</b>	<b>5.272.015.556</b>

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế

+ *Chi phí không được trừ*+ *Lỗ chi nhánh không chịu thuế*

Truy thu thuế TNDN các năm trước

Thu nhập chịu thuế

Thuế suất thuế TNDN

**Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Kỳ này	Kỳ trước
	7.645.552.954	5.131.839.542
	151.115.600	237.468.535
	151.115.600	126.028.300
	-	111.440.235
	-	-
	7.796.668.554	5.369.308.077
	20%	20%
	<b>1.559.333.711</b>	<b>1.073.861.615</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính****8.3. Báo cáo bộ phận****8.4. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính****8.5. Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường

- Rủi ro tín dụng

- Rủi ro thanh khoản

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Lãnh đạo thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Lãnh đạo cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>31/03/2024</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.507.180.896		19.507.180.896
Phải thu khách hàng	158.285.402.716		158.285.402.716
Đầu tư	5.671.801.351	266.674.900.000	272.346.701.351
Phải thu khác	109.379.529	52.794.438.637	52.903.818.166
Tài sản tài chính khác	-		-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(21.657.676.577)	-	(21.657.676.577)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(24.318.746.905)	(24.318.746.905)
<b>Tổng cộng</b>	<b>161.916.087.915</b>	<b>295.150.591.732</b>	<b>457.066.679.647</b>
Các khoản vay và nợ	10.950.319.857	56.155.214.150	67.105.534.007
Phải trả người bán	26.661.230.304		26.661.230.304
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	715.070.124	22.098.776.000	22.813.846.124
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.326.620.285</b>	<b>78.253.990.150</b>	<b>116.580.610.435</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>123.589.467.630</b>	<b>216.896.601.582</b>	<b>340.486.069.212</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>01/01/2024</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.284.589.848		22.284.589.848
Phải thu khách hàng	117.160.627.537		117.160.627.537
Đầu tư	5.671.801.351	266.674.900.000	272.346.701.351
Phải thu khác	87.304.381	52.794.438.637	52.881.743.018
Tài sản tài chính khác	-		-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

**Trừ:**

Dự phòng phải thu khó đòi	(16.925.624.258)		(16.925.624.258)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(24.318.746.905)	(24.318.746.905)
<b>Tổng cộng</b>	<b>128.278.698.859</b>	<b>295.150.591.732</b>	<b>423.429.290.591</b>
Các khoản vay và nợ	7.894.000.000	56.155.214.150	64.049.214.150
Phải trả người bán	25.814.077.740		25.814.077.740
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	410.500.000	22.098.776.000	22.509.276.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.118.577.740</b>	<b>78.253.990.150</b>	<b>112.372.567.890</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>94.160.121.119</b>	<b>216.896.601.582</b>	<b>311.056.722.701</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ được tính bằng giá gốc trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/03/2024	01/01/2024	31/03/2024	01/01/2024
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	158.394.782.245	117.247.931.918	136.737.105.668	100.322.307.660
Tài sản khác	155.710.926.212	152.383.358.389	155.710.926.212	152.383.358.389
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	242.356.153.095	331.674.900.000	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.507.180.896	22.284.589.848	19.507.180.896	22.284.589.848
<b>Tổng cộng</b>	<b>575.969.042.448</b>	<b>623.590.780.155</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	67.105.534.007	64.049.214.150	67.105.534.007	64.049.214.150
Phải trả người bán	26.661.230.304	25.814.077.740	26.661.230.304	25.814.077.740
Phải trả khác	22.098.776.000	22.362.776.000	22.098.776.000	22.362.776.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>115.865.540.311</b>	<b>112.226.067.890</b>	<b>115.865.540.311</b>	<b>112.226.067.890</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/03/2024 và ngày 01/01/2024. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**8.6. Thông tin về các bên liên quan**Các bên liên quan:

Trong kỳ kế toán và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Ông Nguyễn Huy Cương	Hà Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Việt Đức	Hà Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trí	Hà Nam	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Tâm	Hà Nam	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đức Dự	Hà Nam	Thành viên BKS
Ông Phạm Văn Hà	Hà Nam	Trưởng BKS
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Hà Nam	Thành viên BKS

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN  
Đông Văn III

Hà Nam

Công ty con

Lương và thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Ông Nguyễn Huy Cương	Chủ tịch HĐQT	64.745.285	34.276.915
Ông Trần Việt Đức	Tổng Giám đốc	40.353.462	21.981.154
Ông Nguyễn Quang Trí	Phó Tổng giám đốc	27.675.000	15.075.000
Bà Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	27.675.000	15.075.000
Ông Nguyễn Đức Dự	Thành viên BKS	39.360.000	21.440.000
Ông Phạm Văn Hà	Trưởng BKS	33.517.500	18.257.500
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên BKS	27.675.000	15.075.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>261.001.247</b>	<b>141.180.569</b>

**8.7. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO và Báo cáo tài chính Quý I năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt.

**8.8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**8.9. Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nam, ngày 25 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Dương Thị Thu Hiền

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Việt Đức



CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:45/2024/CV

Hà Nam, ngày 26 tháng 04 năm 2024

V/v: Giải trình chênh lệch LNST tại BCTC  
riêng và hợp nhất Quý I/2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt  
Địa chỉ trụ sở chính : Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố  
Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Mã chứng khoán : DTD

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng  
dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2024 và Báo cáo tài  
chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển  
Thành Đạt gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt (Công ty) xin được giải trình về  
trường hợp chênh lệch lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại  
Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2024 của Công ty có  
chênh lệch quá 10% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

**Đối với Báo cáo tài chính riêng Quý I/2024**

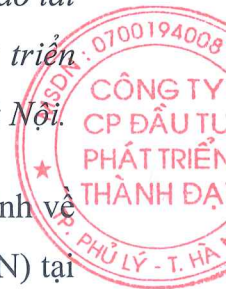
Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính riêng quý I/2024 là  
6.259.891.492 đồng, tăng 2.201.913.565 đồng (tương ứng tăng 54,26%) so với cùng  
kỳ năm trước là 4.057.977.927 đồng.

**Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2024**

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2024 là  
75.902.646.628 đồng, giảm 122.208.784.509 đồng (tương ứng giảm 61,69%) so với  
cùng kỳ năm trước là 198.111.431.137 đồng.

**Nguyên nhân:**

**Đối với Báo cáo tài chính riêng Quý I/2024:**



Mặc dù doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 23,83% so với cùng kỳ nhưng Công ty đã cải thiện được chi phí giá vốn bán hàng. Cụ thể, chi phí giá vốn bán hàng của Công ty giảm mạnh 26.257.321.152 (tương ứng **giảm 30,76%**) so với Quý I/2023.

**Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2024:**

Nguyên nhân chủ yếu đến từ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - tại Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2024 giảm 256.498.878.447 (tương ứng **giảm 56%**) so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, trong kỳ, Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và quản lý giảm 270.045.181.662 đồng (tương ứng **giảm 68,11%**) so với Quý I/2023.

Trên đây là các giải trình của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt về biến động lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính riêng và Hợp nhất Quý I/2024 có chênh lệch quá 10% so với cùng kỳ năm 2023.

Trân trọng!

**Nơi nhận**

- Như trên;
- HĐQT, BKS để b/c;
- Ban TGD để biết;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN VIỆT ĐỨC**

